

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 27/2021/DS-ST

Ngày: 07 - 6 - 2021

V/v tranh chấp hội và hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Chang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông An Bắc Lùng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2020/TLST-DS ngày 26/10/2020 về việc “tranh chấp hội và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXX-ST ngày 18/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Kim C, sinh năm 1988 “Có mặt”

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của chị C: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1977 “Có mặt”

Địa chỉ: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1989 “Có mặt”

Địa chỉ: Thôn E, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nông Thanh N, sinh năm 1988 “Vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Chị Đinh Thị Kim C, sinh năm 1989 “Có mặt”

- Anh Cao Mạnh H, sinh năm 1983 “Có mặt”
Địa chỉ: Thôn E, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị Kim C trình bày:

Vào ngày 17/01/2020, chị Đinh Thị Kim C có cho chị Nguyễn Thị Kim P vay số tiền 30.000.000 đồng, khi vay chị P có viết giấy vay tiền, hẹn tới ngày 23/02/2020 âm lịch sẽ trả. Lãi suất là 900.000 đồng/tháng nhưng các bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không ghi vào giấy. Chị P không trả lãi trực tiếp cho chị C mà chị C chơi hụi do chị P làm chủ hụi nên chị P trừ tiền lãi vào tiền đóng hụi. Tuy nhiên, cho tới ngày 17/4/2020 thì chị P mới trả cho chị C số tiền gốc là 5.000.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng. Số tiền 30.000.000 đồng chị C cho chị P vay là tài sản chung của chị C và chồng chị C là anh Nông Thanh N có từ việc vay ngân hàng.

Ngoài ra, chị C có tham gia chơi 02 dây hụi do chị P là chủ hụi như sau:

Dây hụi thứ nhất mở ngày 24/01/2019 (Âm lịch), gồm 15 người chơi với thời gian là 15 tháng, hình thức tham gia là hụi có lãi, hưởng hoa hồng. Tùy theo số tiền các thành viên bỏ lãi hằng tháng để lĩnh hụi mà chị C sẽ đóng số tiền khác nhau từ 1.180.000 đồng/tháng cho đến 1.620.000 đồng/tháng. Nếu thành viên nào lĩnh hụi thì sẽ phải đóng 2.000.000 đồng/tháng và phải đưa tiền hoa hồng cho P 1.000.000 đồng. Chị C đã đóng cho chị P 13 tháng tiền hụi với tổng số tiền 18.083.000 đồng thì chị P tuyên bố bế hụi.

Dây hụi thứ 2 mở ngày 06/5/2019 (Âm lịch), gồm 21 người chơi với thời gian 21 tháng, hình thức tham gia là hụi có lãi, hưởng hoa hồng. Tùy theo số tiền các thành viên bỏ lãi để lĩnh hụi hằng tháng mà chị C sẽ đóng số tiền khác nhau từ 580.000 đồng/tháng cho đến 650.000 đồng/tháng. Nếu thành viên nào lĩnh hụi thì sẽ phải đóng 1.000.000 đồng/tháng và đưa tiền hoa hồng cho chị P 500.000 đồng. Chị C đã đóng cho chị P 10 tháng tiền hụi với tổng số tiền 5.880.000 đồng thì chị P tuyên bố bế hụi.

Chị C đã nhiều lần yêu cầu chị P trả tiền nhưng chị P không trả nên chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị P phải trả cho chị C và anh Nông Thanh N số tiền đã vay là 25.000.000 đồng và tiền lãi suất 01%/tháng từ ngày 17/01/2020 đến ngày 17/9/2020 là 2.400.000 đồng, tổng là 27.400.000 đồng.

Buộc chị P trả cho chị C số tiền hụi theo thỏa thuận khi tham gia là 36.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 24/02/2020 đến ngày 24/9/2020 với lãi suất 1%/tháng là 2.520.000 đồng.

Riêng số tiền hụi là tiền riêng của chị C không liên quan tới anh Nông Thanh N. Số tiền vay và việc chơi hụi do chị P giao dịch nhưng mục đích là phục vụ cho gia đình nên chị C yêu cầu cả chị P và chồng chị P là anh Cao Mạnh H liên đới trả các khoản nợ nêu trên cho chị C. Ngoài ra, chị C không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày :

Vào khoảng tháng 01/2020, chị P có vay của chị Đinh Thị Kim C số tiền 30.000.000 đồng, hạn 03 tháng sau sẽ trả, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng. Khi vay có viết giấy vay tiền do chị C giữ. Tuy nhiên, đối với lãi suất thì các bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không ghi vào giấy. Chị P trả được 03 tháng tiền lãi, mỗi tháng 900.000 đồng, nhưng chị P không đưa trực tiếp tiền cho chị C mà cản trở qua tiền hội vì chị C đang chơi hội do chị P làm chủ hội. Chị P mới trả được cho chị C số tiền 5.000.000 đồng vào khoảng tháng 4/2020. Hiện nay chị P còn nợ chị C số tiền 25.000.000 tiền gốc. Đối với tiền lãi thì tại buổi làm việc tại Công an xã Đak Nhau, khi chị P viết giấy cam kết sẽ trả tiền cho chị C và thì các bên thỏa thuận sẽ xóa tiền lãi.

Nay chị C khởi kiện yêu cầu chị P trả số tiền vay 25.000.000 đồng và tiền lãi là 2.400.000 đồng thì chị P đồng ý trả cho chị C.

Ngoài ra, chị C có tham gia chơi 02 dây hội do chị P làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất mở ngày 24/01/2019 (Âm lịch), gồm 15 người chơi với thời gian là 15 tháng, hình thức chơi là hội có lãi, hưởng hoa hồng. Tùy theo số tiền các thành viên bỏ lãi hằng tháng để lĩnh hội mà chị C sẽ đóng số tiền khác nhau từ 1.180.000 đồng/tháng cho đến 1.620.000 đồng/tháng. Nếu thành viên nào lĩnh hội thì sẽ phải đóng 2.000.000 đồng/tháng và phải đưa tiền hoa hồng cho chị P 1.000.000 đồng. Mỗi lần thu tiền chị P đều viết phiếu đưa cho chị C. Chị C đóng đến tháng thứ 13 thì các chủ hội lớn bị bế hội, chị P cũng bị ảnh hưởng nên đã thông báo cho những người tham gia chơi hội, trong đó có chị C về việc ngưng dây hội này và thanh toán các khoản tiền mà người chơi đã đóng. Chị P xác định còn nợ chị C số tiền hội chị C đã đóng là 18.083.000 đồng.

Dây hội thứ 2 mở ngày 06/5/2019 (Âm lịch), gồm 21 người chơi với thời gian 21 tháng, hình thức chơi là hội có lãi, hưởng hoa hồng. Tùy theo số tiền các thành viên bỏ lãi để lĩnh hội hằng tháng mà chị C sẽ đóng số tiền khác nhau từ 580.000 đồng/tháng cho đến 650.000 đồng/tháng. Nếu thành viên nào lĩnh hội thì sẽ phải đóng 1.000.000 đồng/tháng và đưa tiền hoa hồng cho chị P 500.000 đồng. Mỗi lần thu tiền chị P đều viết phiếu đưa cho chị C. Chị C đã đóng đến tháng thứ 10 thì các chủ hội lớn bị bế hội, chị P đã thông báo cho những người tham gia chơi hội, trong đó có chị C về việc ngưng dây hội này và thanh toán các khoản tiền mà người chơi đã đóng. Chị P xác định còn nợ chị C số tiền hội chị C đã đóng là 5.880.000 đồng.

Như vậy, chị P còn nợ chị C tổng số tiền hội là 23.963.000 đồng nên chỉ đồng ý trả cho chị C số tiền này, không đồng ý trả 36.000.000 đồng và tiền lãi như yêu cầu của chị C. Chị P xin chị C tạo điều kiện để chị P trả dần cho chị C mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình chị P rất khó khăn. Nếu chị C không đồng ý thì chị P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

** Người đại diện theo ủy quyền của có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Thanh N là chị Đinh Thị Kim C trình bày: Số tiền 30.000.000 đồng mà chị*

C cho chị P vay là tài sản chung của chị C và anh N. Chị P đã trả số tiền 5.000.000 đồng nên yêu cầu chị P và anh Cao Mạnh H phải trả cho chị C và anh N số tiền đã vay còn lại là 25.000.000 đồng và tiền lãi là 2.400.000 đồng, tổng là 27.400.000 đồng.

Đối với số tiền chị C chơi hụi là khoản tiền riêng của chị C, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên anh N không có ý kiến gì đối với tranh chấp tiền hụi giữa chị C và chị P.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Mạnh H:*

Anh H là chồng của chị Nguyễn Thị Kim P. Đối với số tiền chị P vay chị C, anh N là 30.000.000 đồng, khi vay anh H không biết nhưng sau này chị P có nói cho anh H biết thì anh H cũng đồng ý cùng chị P trả cho chị C, anh N số tiền này. Anh H, chị P đã trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng. Nay chị C yêu cầu anh H và chị P trả cho chị C và anh N số tiền 25.000.000 cùng tiền lãi là 2.400.000 đồng thì anh H đồng ý. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần.

Đối với số tiền hụi: Khi chị P tham gia chơi hụi thì anh H có biết nhưng số tiền chị P thu được từ việc chơi hụi không phục vụ cho cuộc sống gia đình nên anh H không đồng ý cùng chị P trả cho chị C số tiền hụi chị P còn nợ chị C.

Tại phiên tòa:

Phía nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Đối với số tiền vay, chị C yêu cầu chị P và anh H trả số tiền gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18/4/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.240.000 đồng. Đối với số tiền hụi, chị C chỉ yêu cầu chị P, anh H trả cho chị C số tiền chị C đã đóng là 23.963.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.751.000 đồng.

Chị P và anh H đồng ý trả cho chị C và anh N số tiền vay gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi là 6.240.000 đồng. Đối với số tiền hụi chị P đồng ý trả số tiền gốc chị C đã đóng 23.963.000 đồng và số tiền lãi là 5.751.000 đồng theo yêu cầu của chị C. Chị P xin được trả dần các khoản tiền trên cho chị C là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ nhưng chị C không đồng ý. Anh H không đồng ý liên đới cùng chị P trả số tiền hụi cho chị C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến.

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Kim C. Buộc chị Nguyễn Thị Kim Phượng và anh Cao Mạnh H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đinh Thị Kim C, anh Nông Thanh N số tiền vay gốc và tiền lãi chậm trả tổng là 31.240.000 đồng; buộc chị Nguyễn Thị

Kim P, anh Cao Mạnh H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đinh Thị Kim C số tiền nợ hui và tiền lãi chậm trả tổng là 29.724.000 đồng; về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Kim C và trong quá trình giải quyết vụ án thì chị C yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim P trả số tiền đã vay và tiền nợ hui. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hui và hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P có nơi cư trú tại thôn E, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về nội dung tranh chấp:

[3] Đối với hợp đồng vay tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P và người có quyền lợi có nghĩa liên quan anh Cao Mạnh H thừa nhận có vay chị Đinh Thị Kim C số tiền 30.000.000 đồng, chị P và anh H đã trả được số tiền gốc là 5.000.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng. Nay chị C, anh N yêu cầu chị C, anh H trả số tiền gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18/4/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.240.000 đồng thì anh H và chị P đồng ý trả cho chị C, anh N.

[4] Về hợp đồng góp hui:

Chị C và chị P A nội dung chị C có tham gia 02 dây hui do chị P làm chủ hui, hình thức chơi hui có lãi, hưởng hoa hồng. Ở dây hui thứ nhất mở ngày 24/01/2019 (Âm lịch) thì chị C đã đóng tiền hui được 13 kỳ với số tiền là 18.083.000 đồng thì chị P ngưng hui. Ở dây hui thứ 2 mở ngày 06/5/2019 (Âm lịch) thì chị C đã đóng 10 kỳ với số tiền là 5.880.000 đồng thì chị P ngưng hui. Như vậy, tổng số tiền chị C đã đóng hui cho chị P là 23.963.000 đồng.

Tại phiên tòa chị C chỉ yêu cầu chị P trả số tiền hui chị C đã đóng là 23.963.000 đồng và tiền lãi từ ngày chị P ngưng hui cho tới ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/6/2021) là 5.751.000 đồng, tổng là 29.714.000 đồng. Chị P đồng ý trả cho chị C số tiền này.

[5] Về nghĩa vụ liên đới trả nợ: Tại phiên tòa anh H xác định khi chị P chơi hui thì anh H có biết nhưng không đồng ý liên đới cùng chị P trả số tiền nợ hui

cho chị C vì số tiền chị P chơi hụi không phục vụ cho cuộc sống gia đình. Xét thấy, chị P và anh H là vợ chồng, tại phiên tòa chị P xác định số tiền thu được từ việc chị P tham gia chơi hụi với mục đích để phục vụ cho việc kinh doanh và đáp ứng các nhu cầu cuộc sống sinh hoạt gia đình. Do đó, anh H phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị P trả số tiền nợ hụi cho chị C theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình 2014.

[6] Về thời gian trả nợ: Chị P và anh H đề nghị được trả dần các khoản nợ chị C, anh N với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả xong các khoản nợ nhưng chị C không đồng ý nên đề nghị của anh H, chị P không được chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Cao Mạnh H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đinh Thị Kim C, anh Nông Thanh N số tiền gốc đã vay và tiền lãi tổng là 31.240.000 đồng. Buộc chị P, anh H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị C số tiền nợ hụi và tiền lãi chậm trả tổng là 29.714.000 đồng.

[8] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Bị đơn chị P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận tương ứng với số tiền 3.048.000 đồng.

[9] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 471, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19 ngày 19/2/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biên, phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Kim C về việc yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P và anh Cao Mạnh H trả số tiền vay và tiền nợ hụi.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim P và anh Cao Mạnh H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đinh Thị Kim C số tiền nợ hụi là 29.714.000 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Trong đó, số tiền hụi chị C đã đóng là 23.963.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 5.751.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim P và anh Cao Mạnh H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đinh Thị Kim C và anh Nông Thanh N số tiền 31.240.000 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 6.240.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim P, anh Cao Mạnh H phải chịu 3.048.000 đồng (Ba triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng)

Chị Đinh Thị Kim C không phải chịu, hoàn trả cho chị C số tiền tạm ứng án phí 1.772.000 đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 015757 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật 6 Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS+VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào